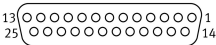


Cáp kết nối KMP6-25P-20-10

Số bộ phận: 530048



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Tuân theo tiêu chuẩn	DIN 41652
Tên cáp	không giá biển báo
tần số kết nối	50
trọng lượng sản phẩm	1600 g
Cổng nối điện 1, chức năng	Phía thiết bị hiện trường
Cổng nối điện 1, thiết kế	góc
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Ổ cắm
Cổng nối điện 1, đầu ra cáp	thẳng
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	Sub-D
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	25
Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng	25
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	2x vít 4-40 UNC
Cổng nối điện 2, chức năng	Phía điều khiển
Cổng nối điện 2, kiểu kết nối	Cáp
Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối	đầu mở
Cổng nối điện 2, số cực/dây	25
Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng	25
Dải điện áp hoạt động DC	0 V...30 V
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Khả năng tải dòng điện ở 40 ° C	2.8 A
Độ chịu điện áp xung	1 KV
Chiều dài cáp	10 m
Đặc điểm dây dẫn	Tiêu chuẩn
Dòng điều kiện kiểm tra	Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu
Bán kính uốn, định tuyến cáp cố định	103 mm
Bán kính uốn, định tuyến cáp có thể di chuyển	103 mm
Đường kính cáp	10.3 mm
Dung sai đường kính cáp	± 0,25 mm
Cấu tạo cáp	20 x 0,25 mm² + 5 x 0,34 mm²
Mặt cắt danh định của dây dẫn	0.25 mm² 0.34 mm²
Đầu dây	cắt cùn

Đặc tính	Giá trị
Mức độ bảo vệ	IP40
Lưu ý về mức độ bảo vệ	ở trạng thái lắp
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-25 °C...70 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cấp linh hoạt	-5 °C...70 °C
Nhiệt độ bảo quản	-25 °C...75 °C
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo các quy định UK RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
mức độ ô nhiễm	2
Vật liệu vỏ bọc cấp	PVC
Màu vỏ cấp	xám
Vật liệu vỏ	PBT-gia cố
nhà màu	xám
Vật liệu khóa vít	Đồng thau, mạ niken
Vật liệu các tiếp điểm phích cắm	Hợp kim đồng mạ vàng